

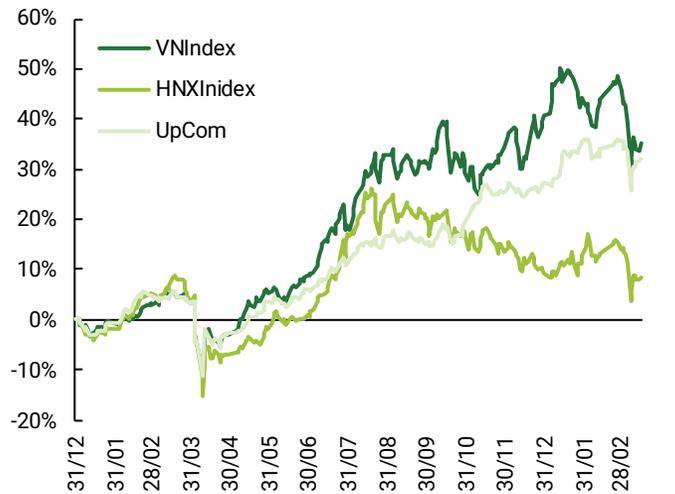
VN-Index **1713.83 (0.21%)**
 915 Tr. cổ phiếu 26389.3 Tỷ VND (3.06%)

HNX-Index **247.78 (0.37%)**
 100 Tr. cổ phiếu 1823.9 Tỷ VND (28.98%)

UPCOM-Index **124.86 (-0.52%)**
 69 Tr. cổ phiếu 1048.3 Tỷ VND (25.42%)

VN30F1M **1881.90 (0.26%)**
 295,853 HD OI: 28,274 HD

% Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1713.8, tăng +3.5 điểm (+0.21%). Thanh khoản giảm nhẹ với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ ghi nhận ở VN30 trong khi HNXIndex tăng điểm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực cung chiếm ưu thế trên vùng cao khiến chỉ số thu hẹp đà tăng về cuối phiên. Dòng tiền tiếp tục trạng thái phân hóa giữa các nhóm ngành và ở cả những cổ phiếu trụ cột lớn.
 Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Dầu khí: PVD (+6.9%), PLX (+6.1%) | Tiện ích: GEG (+5.1%), GAS (+6.1%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GMD (+4.5%), PVT (+6.9%), GEE (+7.0%) | Ngân hàng: CTG (+1.7%), BID (+2.1%).
 Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Bất động sản: NVL (-3.0%), HDG (-2.6%) | Dịch vụ tài chính: VCI (-3.4%), SSI (-2.3%) | Du lịch và Giải trí: HVN (-3.8%) | Tài nguyên Cơ bản: KSB (-1.5%), NKG (-1.4%)
 Tác động chỉ số: Chiều tăng | GAS, BID, CTG, GEE, PLX - Chiều giảm | STB, TCX, VPX, HVN, DGC
 Khối ngoại Bán ròng gần 2600 tỷ, tập trung nhiều ở VIC, STB, VCB, trong khi mua ròng MSN, PVD, PLX.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Shooting star, tiếp tục cho thấy lực cung chiếm ưu thế trên vùng cao. Dù vậy, thanh khoản duy trì mức thấp hàm ý sự lưỡng lự ở cả hai chiều mua và bán. Diễn biến nghiêng về phản ứng kiểm định cung tại vùng kháng cự. Thị trường cần chất xúc tác rõ ràng hơn để bứt phá, trong bối cảnh dòng tiền cũng trở lại phân hóa mạnh hơn. Hiện xu hướng lớn vẫn nghiêng về điều chỉnh. Ở khung thời gian ngắn, chỉ số khả năng tiếp tục dao động tích lũy trong vùng 1680-1720 điểm, tín hiệu bứt phá trên ngưỡng 1750 sẽ xác nhận cho đà phục hồi lên mốc cao hơn, quanh ngưỡng tâm lý 1800 điểm. Trong khi hỗ trợ gần là khu vực 1650 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số kết phiên với nến Doji, tiếp tục trạng thái giằng co và hàm ý lực cung còn chi phối trong nỗ lực phục hồi. Vận động khả năng còn rung lắc và tiếp tục kiểm định thêm vùng giá 244 - 250.
- **Chiến lược:** Vị thế nghiêng về nắm giữ với tỷ trọng ở mức an toàn, theo dõi thêm diễn biến thị trường. Hạn chế hưng phấn trước các dấu hiệu bật tăng chưa rõ ràng. Các chuyển biến địa chính trị cần tiếp tục theo sát để có thêm định hướng về chuyển động dòng tiền. Chiều mua gia tăng trở lại chỉ nên cân nhắc khi chỉ số xác nhận thoát khỏi pha điều chỉnh và thị trường đồng thuận phục hồi theo hướng lan tỏa. Các ngành nổi bật: Dầu khí, Tiện ích, Tiêu dùng, Đầu tư công.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi PVT (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

| Chỉ số | Giá đóng cửa | % Thay đổi | | | Giá trị giao dịch (Tỷ VND) | % Biến động giá trị giao dịch so với | | | Khối lượng giao dịch (Triệu CP) | % Biến động khối lượng giao dịch so với | | |
|-----------------------------|--------------|------------|--------|--------|----------------------------|--------------------------------------|--------------------|---------------------|---------------------------------|---|--------------------|---------------------|
| | | (%) 1D | (%) 1W | (%) 1M | | 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng | | 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |
| Theo chỉ số | | | | | | | | | | | | |
| VN-Index | 1,713.8 | 0.2% | -0.8% | -6.0% | 26,389.3 | 3.1% | -10.7% | 29.9% | 914.6 | -3.7% | -8.4% | 48.2% |
| HNX-Index | 247.8 | 0.4% | 0.3% | -3.6% | 1,823.9 | 29.0% | 3.8% | 74.3% | 100.1 | 29.0% | 16.6% | 88.0% |
| UPCOM-Index | 124.9 | -0.5% | 0.6% | -1.9% | 1,048.3 | 25.4% | 5.7% | 63.1% | 68.5 | 64.1% | 40.8% | 57.4% |
| VN30 | 1,868.8 | -0.3% | -1.1% | -7.4% | 14,905.3 | 21.5% | -14.5% | 26.5% | 375.1 | 13.9% | -17.8% | 37.7% |
| VNMID | 2,154.2 | -0.1% | -0.7% | -4.0% | 8,758.3 | -12.0% | -10.0% | 27.4% | 350.7 | -13.0% | -13.9% | 33.1% |
| VNSML | 1,415.2 | 0.1% | -0.6% | -5.1% | 1,100.8 | -9.0% | -26.1% | 25.2% | 68.6 | -20.5% | -35.2% | 16.1% |
| Theo ngành (VNIndex) | | | | | | | | | | | | |
| Ngân hàng | 623.5 | 0.1% | 0.76% | -6.9% | 8,059.5 | 36.04% | 25.8% | 27.9% | 278.9 | 12.5% | 2.0% | 12.5% |
| Bất động sản | 715.0 | -0.2% | 5.8% | -7.6% | 4,310.8 | 23.8% | 23.5% | 39.2% | 110.2 | -9.0% | -23.6% | -2.9% |
| Dịch vụ tài chính | 315.2 | -2.3% | 4.0% | -1.0% | 3,599.3 | -12.7% | -1.7% | -2.0% | 145.9 | -20.5% | -8.9% | 1.7% |
| Công nghiệp | 264.2 | 3.2% | 4.7% | -3.7% | 1,561.1 | -11.2% | 0.4% | -6.3% | 42.3 | 21.7% | -6.9% | -9.1% |
| Tài nguyên cơ bản | 526.8 | -0.3% | -0.4% | -0.7% | 842.2 | 0.0% | -24.8% | -46.4% | 39.8 | 1.5% | -18.7% | -37.0% |
| Xây dựng - Vật Liệu | 178.7 | 0.4% | 5.5% | -2.3% | 1,580.7 | 11.7% | -2.8% | 20.2% | 66.7 | 1.0% | -12.1% | 17.0% |
| Thực phẩm | 523.9 | 0.1% | -2.1% | -27.8% | 1,100.0 | -41.8% | -32.8% | -38.2% | 23.5 | -32.6% | -33.1% | -36.8% |
| Bán Lẻ | 1,548.7 | 0.8% | 3.0% | -9.9% | 702.0 | 18.8% | -31.8% | -28.9% | 10.0 | 23.0% | -27.2% | -25.9% |
| Công nghệ | 424.0 | -1.0% | 0.3% | -16.7% | 605.2 | -34.1% | -39.2% | -56.9% | 8.5 | -31.9% | -43.4% | -53.5% |
| Hóa chất | 190.5 | 1.9% | -3.1% | -1.7% | 739.9 | -63.2% | -62.3% | -52.6% | 25.3 | -51.9% | -44.8% | -33.3% |
| Tiện ích | 820.1 | 3.7% | -5.5% | -7.7% | 578.7 | -16.1% | -31.8% | -33.9% | 23.9 | -32.9% | -33.8% | -30.2% |
| Dầu khí | 126.6 | 2.5% | -11.1% | 11.5% | 1,669.8 | 41.6% | 10.9% | 16.8% | 50.0 | 46.5% | 28.8% | 41.3% |
| Dược phẩm | 443.1 | -1.0% | 0.6% | -1.0% | 54.8 | 7.3% | 16.2% | 58.6% | 2.1 | 27.9% | 12.6% | 47.9% |
| Bảo hiểm | 115.7 | -0.5% | 5.3% | -1.3% | 41.9 | -12.1% | -17.9% | -31.3% | 0.8 | -13.9% | -27.4% | -41.5% |

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

| Chỉ số | Thị trường | Giá đóng cửa | % Thay đổi giá | | Chỉ số định giá | |
|---------------------|-------------|--------------|----------------|--------|-----------------|------|
| | | | 1 ngày | YTD | P/E | P/B |
| VN-Index | Việt Nam | 1,713.8 | 0.21% | -4.0% | 15.4x | 2.0x |
| SET-Index | Thái Lan | 1,441 | 0.49% | 14.4% | 16.1x | 1.4x |
| JCI-Index | Indonesia | 7,107 | - | -17.8% | 17.7x | 1.8x |
| FTSE Bursa Malaysia | Malaysia | 12,615 | 1.03% | 2.5% | 16.7x | 1.4x |
| PSEi Index | Phillipines | 6,055 | 0.49% | 0.0% | 10.1x | 1.2x |
| Shanghai Composite | Trung Quốc | 4,063 | 0.32% | 2.4% | 19.4x | 1.6x |
| Hang Seng | Hồng Kông | 26,025 | 0.61% | 1.5% | 13.3x | 1.4x |
| Nikkei 225 | Nhật Bản | 55,239 | 2.87% | 9.7% | 21.8x | 2.7x |
| S&P 500 | Mỹ | 6,716 | 0.25% | -1.9% | 26.3x | 5.2x |
| Dow Jones | Mỹ | 46,993 | 0.10% | -2.2% | 23.3x | 5.4x |
| FTSE 100 | Anh | 10,432 | 0.28% | 5.0% | 16.7x | 2.4x |
| Euro Stoxx 50 | Châu Âu | 5,810 | 0.71% | 0.3% | 17.3x | 2.4x |
| DXY | | 99.6 | -0.16% | 1.2% | | |
| USDVND | | 26,303 | 0.06% | 0.0% | | |

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

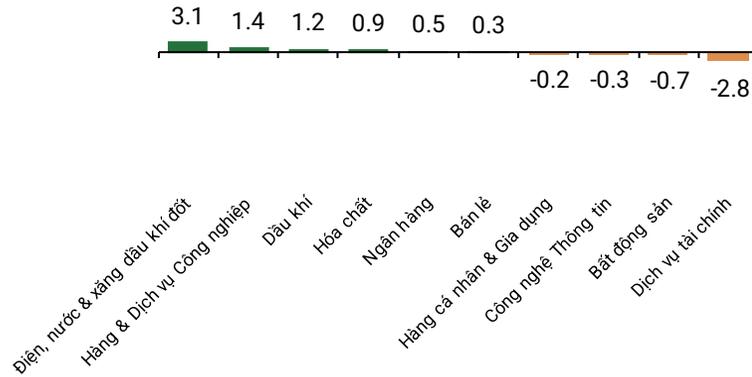
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

| Giá/ Chỉ số hàng hóa | % Thay đổi giá | | | |
|---------------------------|----------------|-------|--------|--------|
| | 1D | 1M | % YTD | % YoY |
| Dầu Brent | 0.72% | 48.1% | 71.2% | 47.6% |
| Dầu WTI | -1.3% | 45.6% | 65.3% | 41.9% |
| Khí gas | -2.4% | -1.7% | -19.7% | -26.9% |
| Than cốc (*) | 0.0% | -3.5% | -3.5% | 6.1% |
| Thép HRC (*) | 0.4% | 1.4% | 0.9% | -2.7% |
| PVC (*) | 0.6% | 23.1% | 29.3% | 16.1% |
| Phân Urea (*) | 0.8% | 36.1% | 62.0% | 65.4% |
| Cao su thiên nhiên | -1.8% | -0.4% | 6.8% | -1.8% |
| Bông Cotton | 0.4% | 11.2% | 6.5% | 3.0% |
| Đường | 1.5% | 1.6% | -4.1% | -28.0% |
| World Container Index | 0.0% | 9.8% | -4.1% | -10.4% |
| Baltic Dirty tanker Index | 0.0% | 63.5% | 116.1% | 199.1% |
| Vàng | -1.5% | -0.9% | 14.2% | 62.5% |
| Bạc | -0.9% | 1.8% | 9.6% | 131.0% |

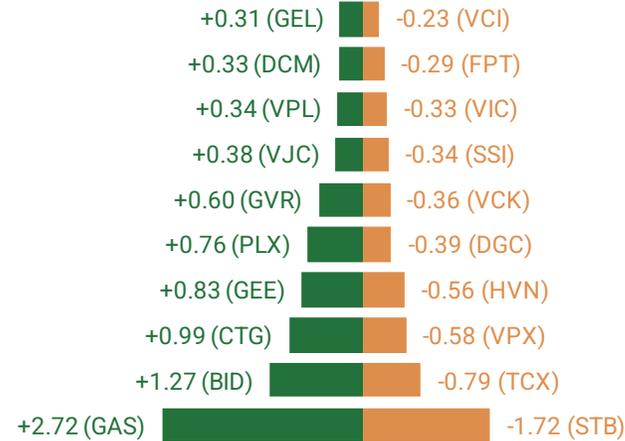
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

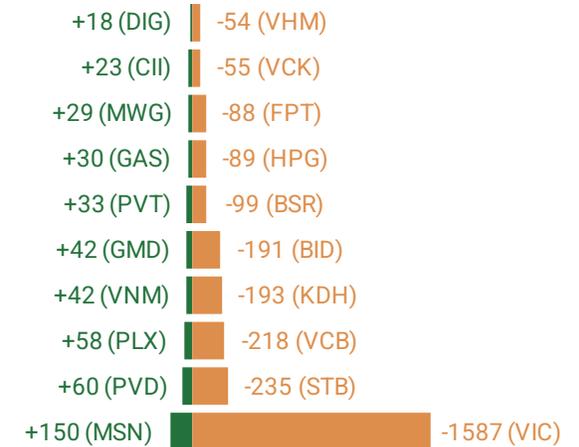
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



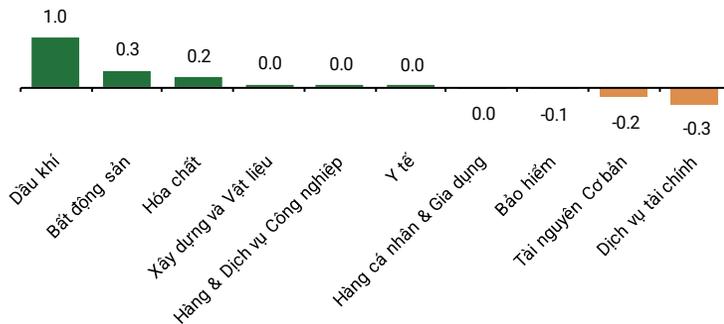
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



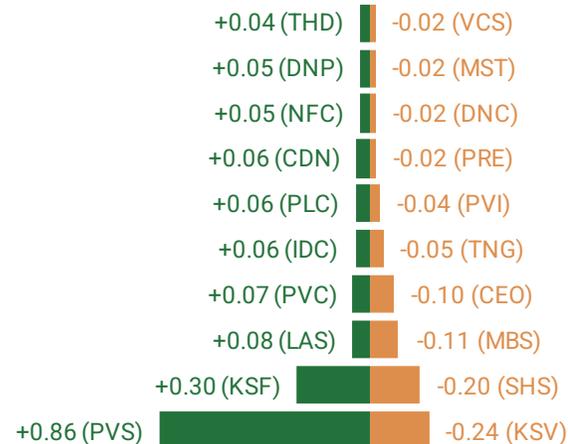
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



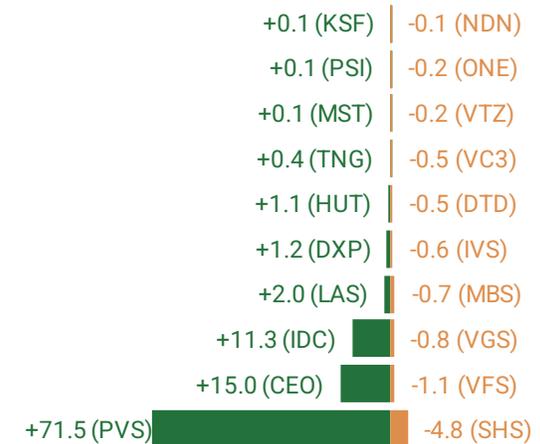
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



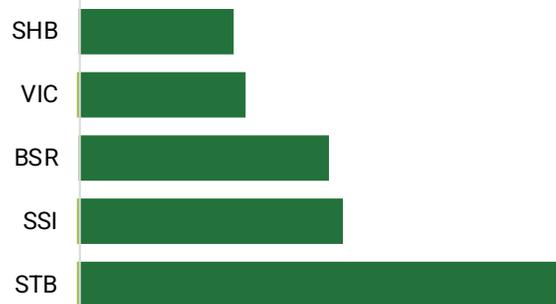
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

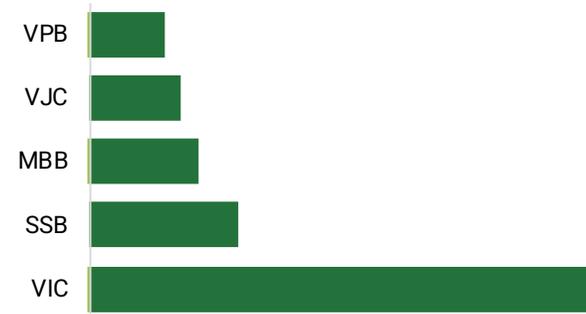


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



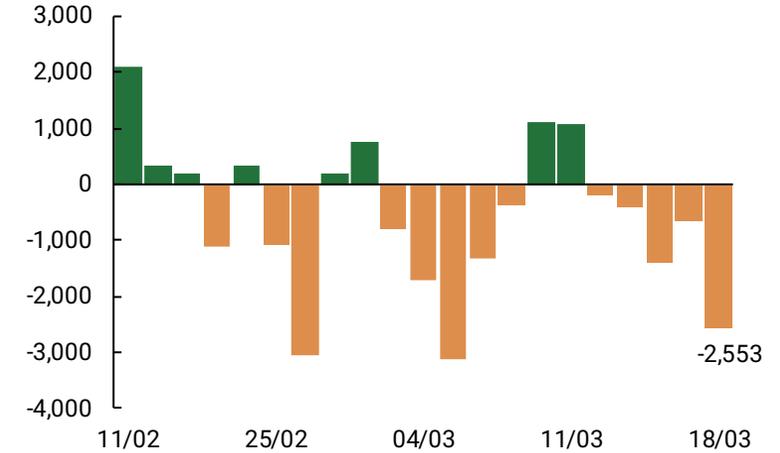
| | STB | SSI | BSR | VIC | SHB |
|---------|-------|-------|-------|-------|------|
| %DoD | -6.4% | -2.3% | 0.5% | -0.1% | 0.3% |
| Giá trị | 2,172 | 1,199 | 1,132 | 752 | 697 |

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

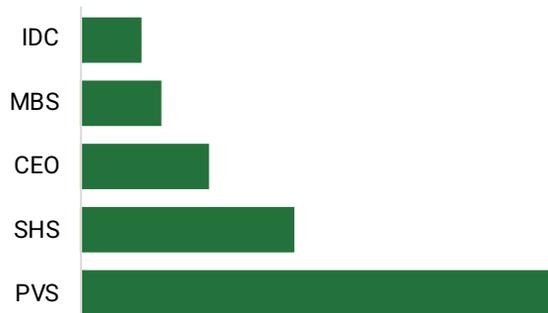


| | VIC | SSB | MBB | VJC | VPB |
|---------|-------|------|-------|------|-------|
| %DoD | -0.1% | 0.9% | -0.2% | 1.9% | -0.4% |
| Giá trị | 1,418 | 414 | 305 | 250 | 209 |

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



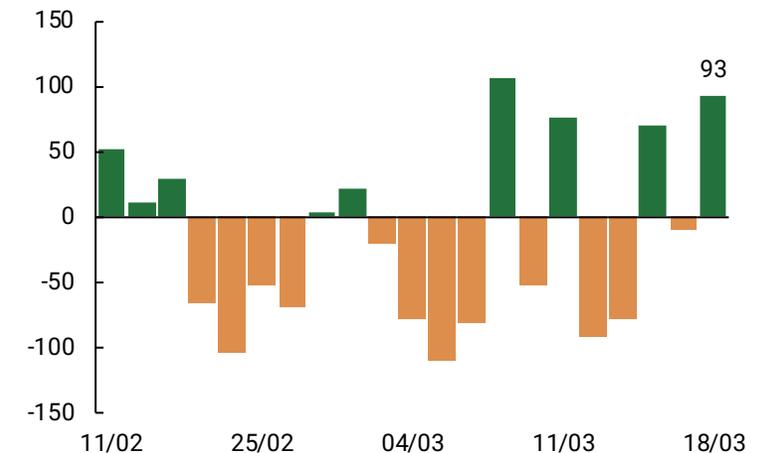
| | PVS | SHS | CEO | MBS | IDC |
|---------|------|-------|-------|-------|------|
| %DoD | 7.5% | -2.4% | -2.0% | -1.2% | 0.7% |
| Giá trị | 502 | 227 | 136 | 85 | 64 |

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



| | HUT | TVC | SHS | S99 | HMH |
|---------|------|------|-------|------|------|
| %DoD | 0.0% | 1.3% | -2.4% | 0.0% | 0.0% |
| Giá trị | 268 | 32 | 25 | 9 | 8 |

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Shooting star, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1640 | 1580.
- ✓ Kháng cự: 1750 | 1800.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Nỗ lực phục hồi tiếp tục chưa thành công với mẫu hình nến Shooting star, hàm ý lực cung vẫn chi phối trên vùng cao. Dù vậy, thanh khoản duy trì mức thấp, cho thấy trạng thái nghiêng về kiểm định cung tại vùng kháng cự. Vận động khả năng còn rung lắc củng cố thêm nền giá. Hiện kháng cự gần trong chiều hồi phục quanh ngưỡng 1750 và cao hơn là mốc tâm lý 1800 điểm. Trong khi hỗ trợ gần được nâng lên quanh mức 1640 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Shooting star, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1770 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1900 | 1950.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

➔ Chỉ số tiếp tục suy yếu khi tiếp cận ngưỡng 1900 điểm, cho thấy áp lực cung vẫn chiếm ưu thế. Thanh khoản duy trì mức thấp phản ánh dòng tiền còn thận trọng. Diễn biến hiện tại thiên về kiểm định cung tại vùng kháng cự, chưa mang tính tiêu cực. Thị trường nhiều khả năng tiếp tục tích lũy, củng cố nền giá trong vùng 1850-1900 điểm. Kháng cự cao hơn quanh ngưỡng 1950 điểm, trong khi hỗ trợ đáng chú ý nằm quanh 1800 điểm.

| STOCK | | STRATEGY | Technical | | Financial Ratio | |
|----------|-----------------------|--------------|----------------|------------------|-----------------|--------|
| Ticker | PVT | WATCH | Current price | 24.80 | P/E (x) | 11.2 |
| Exchange | HOSE | | Watch zone | 23 - 24 | P/B (x) | 1.3 |
| Sector | Marine Transportation | | Target price | 27 | EPS | 2209.7 |
| | | | Cut loss price | 22 | ROE | 12.7% |
| | | | | Stock Rating | B | |
| | | | | Scale Market Cap | Medium | |



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

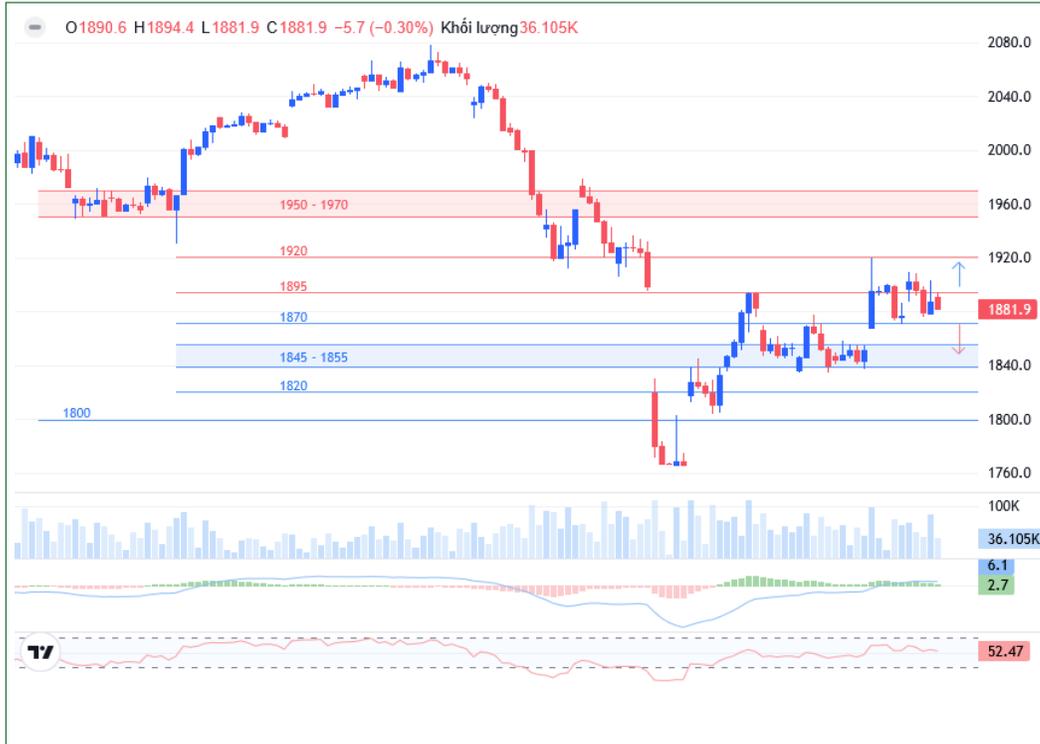
- Nến tăng phủ định nến giảm.
 - Chỉ báo MACD cải thiện chưa rõ ràng, song RSI có dấu hiệu phục hồi lên trên ngưỡng trung bình 50, hàm ý động lượng tăng cải thiện.
 - Khối lượng tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh suy yếu và có khả năng trở lại củng cố đà đi lên.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, nếu giá điều chỉnh và kiểm định tốt khu vực 23 – 24 có thể cân nhắc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ thực hiện | Giá mục tiêu | LN kỳ vọng | Giá cắt lỗ | Rủi ro giảm | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|-----------------|--------------|------------|------------|-------------|---------|
| 1 | PVT | Theo dõi | 19/03/2026 | 24.80 | 23 - 24 | - | 27.0 | 14.9% | 22 | -6.4% | |

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Ngày cập nhật khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN kỳ vọng | Giá cắt lỗ | Rủi ro giảm | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|---------|
|-----|-------|-------------|------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|---------|



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1881.9, tăng 4.9 điểm (+0.3%). Giá biến động trong phiên theo cả hai chiều, có lúc vượt trên ngưỡng 1900 điểm nhưng đã hạ nhiệt sau đó.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD, RSI duy trì trạng thái trung tính. Bên cạnh giá cũng vận động trong xu hướng đi ngang kiểm định quanh vùng 1870 – 1890 điểm. Giá đều có khả năng bứt phá theo cả hai chiều, nên chờ tín hiệu xác nhận phá vỡ các biên việc vào lệnh sẽ tối ưu hơn. Phiên 19/03 cũng là ngày hợp đồng đáo hạn, lưu ý biến động lớn có thể xảy ra. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1868. Vị thế Long cân nhắc khi giá bứt phá và củng cố được trên ngưỡng 1896.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1801.4, tăng 13.3 điểm (+0.7%). Độ lệch basis +17.8 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 35 HĐ. Hỗ trợ gần cũng quanh khu vực 1790 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1820 điểm.

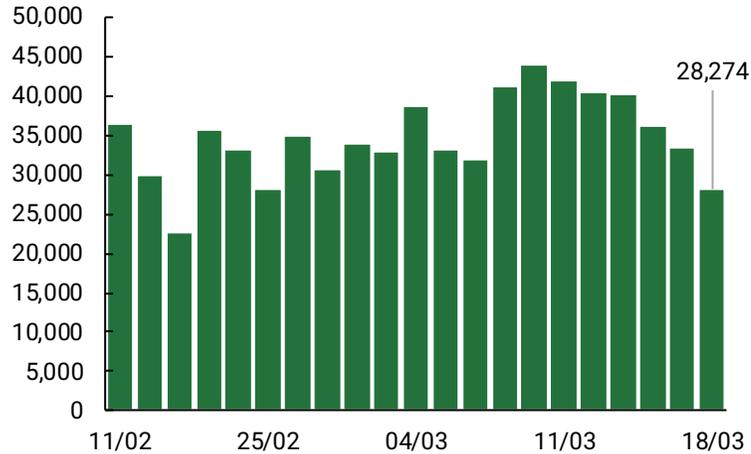
Chiến lược giao dịch trong ngày

| Vị thế | Điểm vào | Chốt lời | Cắt lỗ | Lợi nhuận/ Rủi ro |
|--------|----------|----------|--------|----------------------|
| Long | > 1896 | 1910 | 1886 | 14 : 10 |
| Short | < 1868 | 1854 | 1878 | 14 : 10 |

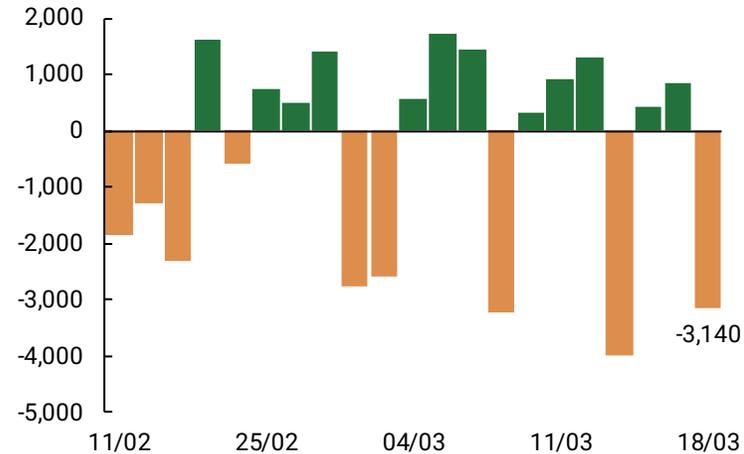
Thông kê hợp đồng tương lai

| Mã hợp đồng | Giá đóng cửa | Thay đổi (điểm) | KL giao dịch | KL Mở | Giá lý thuyết | Chênh lệch | Ngày thanh toán | Thời hạn còn lại (ngày) |
|-------------|--------------|-----------------|--------------|--------|---------------|------------|-----------------|-------------------------|
| 4111G9000 | 1,884.0 | 4.2 | 80 | 263 | 1,883.0 | 1.0 | 17/09/2026 | 183 |
| 4111G6000 | 1,885.1 | 6.0 | 192 | 330 | 1,876.0 | 9.1 | 18/06/2026 | 92 |
| 4111G4000 | 1,880.0 | 1.2 | 15,390 | 13,806 | 1,871.1 | 8.9 | 16/04/2026 | 29 |
| 4111G3000 | 1,881.9 | 4.9 | 295,853 | 28,274 | 1,868.9 | 13.0 | 19/03/2026 | 1 |
| 4112G3000 | 1,801.4 | 13.3 | 35 | 43 | 1,783.6 | 17.8 | 19/03/2026 | 1 |

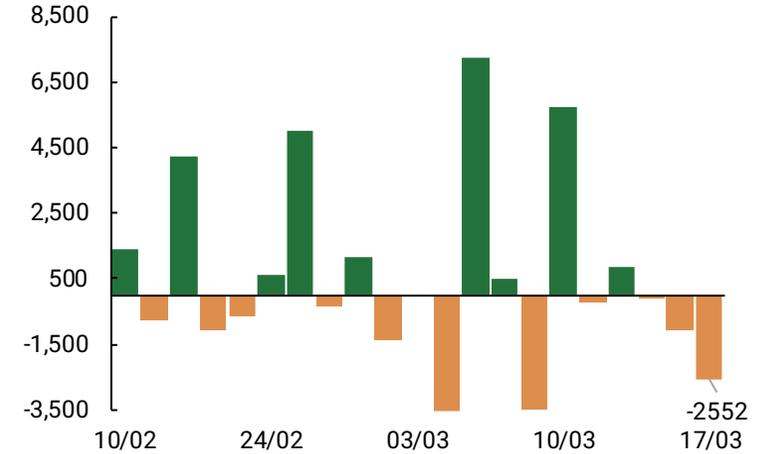
Khối lượng mở (Open interest)



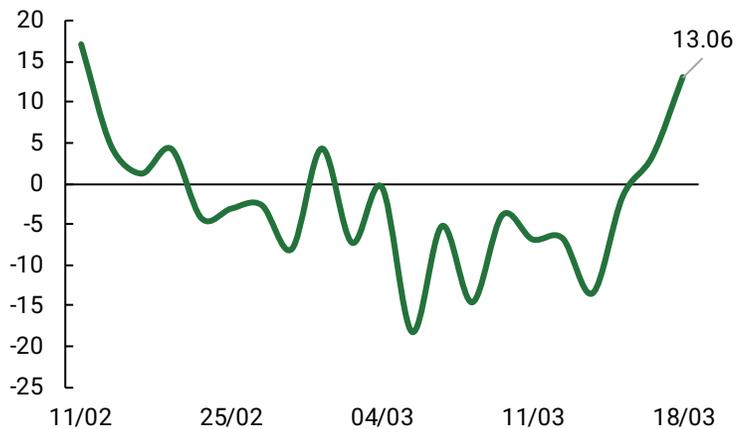
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



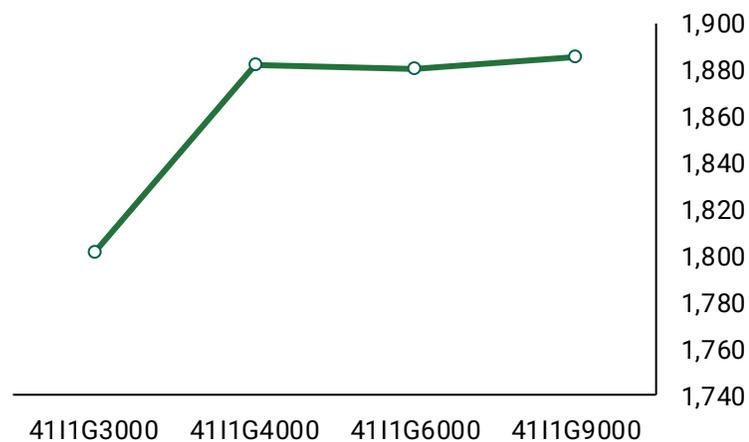
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



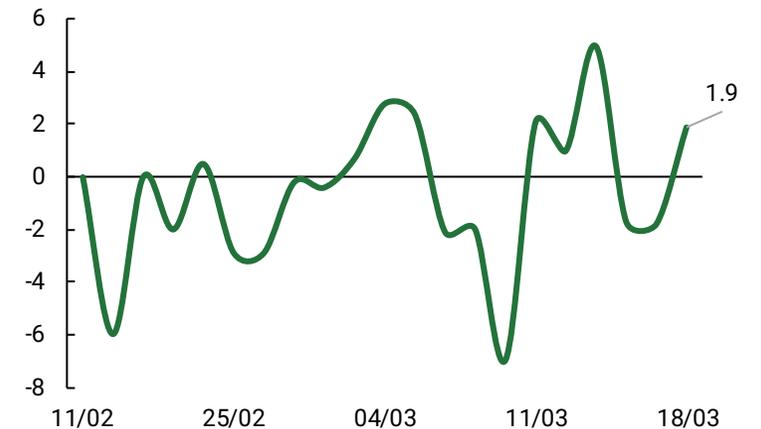
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



THÔNG TIN VĨ MÔ

| | |
|-------|--|
| 02/03 | Vietnam & US – PMI Index |
| 06/03 | Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô |
| 09/03 | Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI |
| 11/03 | Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Mỹ - Chỉ số PCE, ước tính GDP lần đầu |
| 13/03 | Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục mới |
| 18/03 | Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI) Mỹ - FED quyết định lãi suất EU - ECB quyết định lãi suất |
| 19/03 | Nhật Bản – BOJ quyết định lãi suất Việt Nam – Đáo hạn phái sinh |
| 20/03 | Việt Nam - Quỹ ETF liên quan FTSE ETF & VNM ETF hoàn tất cơ cấu danh mục |
| 31/03 | Mỹ - Cơ hội việc làm và chỉ số niềm tin tiêu dùng |

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đề xuất nới trần tín dụng với các dự án lớn tại Hà Nội: Ngày 17/3, NHNN đang lấy ý kiến sửa đổi điều kiện, thủ tục cấp tín dụng vượt giới hạn. Các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Hà Nội được nêu tại Nghị quyết 258 của Quốc hội về thí điểm cơ chế đặc thù sẽ được xem xét cho vay vượt trần.

Châu Á quay lại điện than khi xung đột Trung Đông đẩy giá LNG tăng vọt: Việc vận chuyển qua eo biển Hormuz gần như đình trệ, trong khi Qatar - nhà xuất khẩu LNG lớn thứ hai thế giới - tạm dừng giao hàng, đã khiến giá LNG giao ngay tại châu Á tăng gấp đôi lên mức cao nhất trong ba năm. Trong khi đó, giá than chỉ tăng khoảng 13 - 14%, trở thành lựa chọn thay thế ít tốn kém hơn.

Mỹ đề xuất lập Hội đồng Thương mại với Trung Quốc nhằm tái cân bằng kinh tế: Sau cuộc gặp với các đối tác Trung Quốc tại Paris hôm 16/3, hai bên đã thảo luận về việc thành lập một "Hội đồng Thương mại Mỹ-Trung" để giám sát và điều chỉnh thương mại giữa hai nước, như một phần trước cuộc gặp sắp tới giữa Tổng thống Donald Trump và Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

BID - Ngân hàng BIDV chuẩn bị phát hành riêng lẻ, tiếp tục kế hoạch tăng vốn 2026: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận đủ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của BIDV theo các nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2025-2026. Dự kiến đợt tăng vốn hoàn thành trong tháng 3/2026. BIDV còn kế hoạch tăng vốn từ lợi nhuận để lại và các nguồn vốn chủ sở hữu khác với tỷ lệ chi trả trên 30% cổ phiếu, nhằm củng cố tài chính, mở rộng kinh doanh và đáp ứng yêu cầu an toàn vốn trong bối cảnh nhu cầu vốn trung-dài hạn ngày càng cao.

STB - Sacombank xin gia hạn tái cơ cấu đến hết 2030: Thay vì hoàn tất phương án tái cơ cấu trong năm 2026 như kỳ vọng trước đó, Sacombank cho biết cần thêm thời gian để có thể xử lý được nợ xấu tồn đọng và khắc phục triệt để các tồn tại theo kết luận thanh tra.

GEE - Mục tiêu doanh thu 2026 hơn 27,000 tỷ đồng, tiếp tục duy trì cổ tức cao: GELEX Electric đặt kế hoạch kinh doanh 2026 với doanh thu thuần dự kiến đạt 27,242 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 2,705 tỷ đồng, giảm 36.5% so với 2025 do thiếu lợi nhuận đột biến từ thoái vốn và tái cấu trúc. Năm 2025, doanh thu thuần đạt 25,463 tỷ đồng, tăng 20.5%, lợi nhuận trước thuế 4,262 tỷ đồng, tăng 98%. Công ty duy trì cổ tức tiền mặt 55% năm 2025 và dự kiến tăng vốn điều lệ 75% trong 2026.

REE đặt mục tiêu lãi hơn 2,800 tỷ đồng năm 2026: Công ty công bố kế hoạch 2026 với doanh thu hợp nhất 12,230 tỷ đồng, tăng 22% và lợi nhuận sau thuế khoảng 2,814 tỷ đồng, tăng 11%. Mảng năng lượng kỳ vọng doanh thu 5,476 tỷ đồng, lợi nhuận 1,465 tỷ đồng nhờ điều kiện thủy văn cải thiện; bất động sản đạt doanh thu 1,319 tỷ đồng, lợi nhuận 567 tỷ đồng; mảng cơ điện lạnh tăng trưởng mạnh. Doanh nghiệp đề xuất chia cổ tức 25% (10% tiền mặt, 15% cổ phiếu).

GAS - PV GAS được chấp thuận đầu tư Kho cảng LPG quy mô hơn 7,500 tỷ tại Hải Phòng: UBND TP Hải Phòng chấp thuận đầu tư Kho cảng LPG quy mô 7,511 tỷ đồng do PV GAS làm chủ đầu tư tại đảo Cái Tráp, phục vụ thị trường miền Bắc, dự kiến vận hành từ quý III/2028, hoạt động 30 năm. Kho có sức chứa 60,000 tấn LPG, cầu cảng tiếp nhận tàu đến 100,000 DWT, tăng năng lực nhập khẩu, tồn trữ và phân phối LPG.

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/ Downside | Khuyến nghị |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| AST | 75,500 | 65,400 | -13.4% | Bán |
| BCM | 67,300 | 73,400 | 9.1% | Nắm giữ |
| CTG | 38,250 | 45,200 | 18.2% | Tăng tỷ trọng |
| CTD | 88,600 | 87,050 | -1.7% | Giảm tỷ trọng |
| CTI | 24,250 | 27,200 | 12.2% | Tăng tỷ trọng |
| DBD | 54,300 | 68,000 | 25.2% | Mua |
| DDV | 31,198 | 35,900 | 15.1% | Tăng tỷ trọng |
| DGC | 73,800 | 99,300 | 34.6% | Mua |
| DGW | 51,200 | 48,300 | -5.7% | Giảm tỷ trọng |
| DPG | 47,200 | 53,100 | 12.5% | Tăng tỷ trọng |
| DPR | 42,700 | 46,500 | 8.9% | Nắm giữ |
| DRI | 13,508 | 17,200 | 27.3% | Mua |
| EVF | 13,800 | 14,400 | 4.3% | Nắm giữ |
| FRT | 169,000 | 157,600 | -6.7% | Giảm tỷ trọng |
| GMD | 84,400 | 77,000 | -8.8% | Giảm tỷ trọng |
| HAH | 62,800 | 67,600 | 7.6% | Nắm giữ |
| HDG | 27,300 | 34,500 | 26.4% | Mua |
| HHV | 12,500 | 12,300 | -1.6% | Giảm tỷ trọng |
| HPG | 28,800 | 34,300 | 19.1% | Tăng tỷ trọng |
| IMP | 54,000 | 55,000 | 1.9% | Nắm giữ |
| KDH | 27,250 | 38,800 | 42.4% | Mua |

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/ Downside | Khuyến nghị |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| MSH | 39,250 | 43,100 | 9.8% | Nắm giữ |
| MWG | 93,100 | 99,600 | 7.0% | Nắm giữ |
| NLG | 27,850 | 39,900 | 43.3% | Mua |
| NT2 | 27,750 | 27,700 | -0.2% | Giảm tỷ trọng |
| PHR | 63,100 | 72,800 | 15.4% | Tăng tỷ trọng |
| PNJ | 121,900 | 113,300 | -7.1% | Giảm tỷ trọng |
| PVS | 47,400 | 39,900 | -15.8% | Bán |
| PVT | 24,050 | 18,900 | -21.4% | Bán |
| SAB | 48,400 | 57,900 | 19.6% | Tăng tỷ trọng |
| SSI | 32,400 | 39,200 | 21.0% | Mua |
| TLG | 54,500 | 53,400 | -2.0% | Giảm tỷ trọng |
| TCB | 36,250 | 35,650 | -1.7% | Giảm tỷ trọng |
| TCM | 26,700 | 37,900 | 41.9% | Mua |
| TRC | 78,500 | 94,800 | 20.8% | Mua |
| VCB | 64,900 | 84,200 | 29.7% | Mua |
| VPB | 28,950 | 37,000 | 27.8% | Mua |
| VCG | 19,150 | 26,200 | 36.8% | Mua |
| VHC | 61,500 | 60,000 | -2.4% | Giảm tỷ trọng |
| VNM | 68,200 | 66,650 | -2.3% | Giảm tỷ trọng |
| VSC | 25,900 | 17,900 | -30.9% | Bán |

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415